

Số: 618/BC-THPTXML

Mường Lay, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ công văn số 1934/SGDĐT-GDMT, ngày 17/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ văn bản số 2190/SGDĐT – QLCL ngày 13/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2024-2025.

Trường THPT thị xã Mường Lay báo cáo thường niên về việc công khai trong trường học theo 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT thị xã Mường Lay
- Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử
 - Địa chỉ: Tổ 2, phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
 - SĐT: 0918074551
 - Email: tochuchoatdongthptml@gmail.com
 - Cổng thông tin điện tử: <http://thptxmuonglay.edu.vn/>
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp
 - Loại hình trường: Công lập
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục
 - Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục cao; để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường THPT không chuyên thuộc tốp trung bình phải vươn lên trở thành trường trong tốp đầu của tỉnh để học sinh sẽ lựa chọn học tập và rèn luyện. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: “Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”.

Xây dựng và củng cố danh hiệu trường chuẩn quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu riêng

Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT thị xã Mường Lay được thành lập năm 1963, đến nay nhà trường đã có 61 năm xây dựng và phát triển. Có thể nói đó là 61 năm phấn đấu không ngừng nghỉ của tất cả các thế hệ cán bộ giáo viên, nhân viên cũng như các thế hệ học sinh, đặc biệt là các thế hệ lãnh đạo để hôm nay trường THPT thị xã Mường Lay có thể tự hào sánh vai với các trường bạn.

Trải qua 61 năm xây dựng và phát triển, với những thành tích tốt đẹp đã đạt được cùng những đóng góp to lớn trong sự nghiệp trồng người, trường THPT thị xã Mường Lay đã nhiều năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động Xuất sắc”, Bằng khen của UBND tỉnh; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: Nguyễn Văn Hải

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 2, phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên

- SĐT: 0918074551

- Email: Haisinh83@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Trường THPT thị xã Mường Lay được thành lập năm 1963

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường

Quyết định số 3284/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc công nhận Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 103/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 1220/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc kiện toàn Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 1235/QĐ-SGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc kiện toàn Hội đồng các trường Trường Trung học phổ thông, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Danh sách thành viên hội đồng trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ trong Hội đồng
1	Nguyễn Văn Hải	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Chui Văn Thành	Ủy viên BTV Thị ủy, Phó chủ tịch UBND thị xã	Thành viên
3	Phạm Thị Hằng	Giáo viên - TKHĐ	Thư ký
4	Đào Thị Kim Oanh	Phó hiệu trưởng	Thành viên
5	Nguyễn Đình Ngữ	Phó hiệu trưởng	Thành viên
6	Phạm Văn Dũng	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
7	Lò Thị Minh Tâm	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
8	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Hoàng Thị Hồng Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
11	Nguyễn Thị Hằng	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
12	Vi Thị Loan	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên

13	Đoàn Thị Biên	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
14	Nguyễn Bá Chiến	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
15	Điêu Thị Minh Châu	Đại diện học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 48/QĐ-SGDĐT ngày 03/02/2023 về việc điều động và bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hải - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Mường Nhé, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông thị xã Mường Lay trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 15/02/2023.

Quyết định số 2865/QĐ-SGDĐT ngày 04/9/2020 về việc bổ nhiệm lại viên chức Đào Thị Kim Oanh - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông thị xã Mường Lay tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông thị xã Mường Lay trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 05/9/2020.

Quyết định số 2864/QĐ-SGDĐT ngày 04/9/2020 về việc bổ nhiệm lại viên chức Nguyễn Đình Ngũ - Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông thị xã Mường Lay tiếp tục giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông thị xã Mường Lay trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 05/9/2020.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

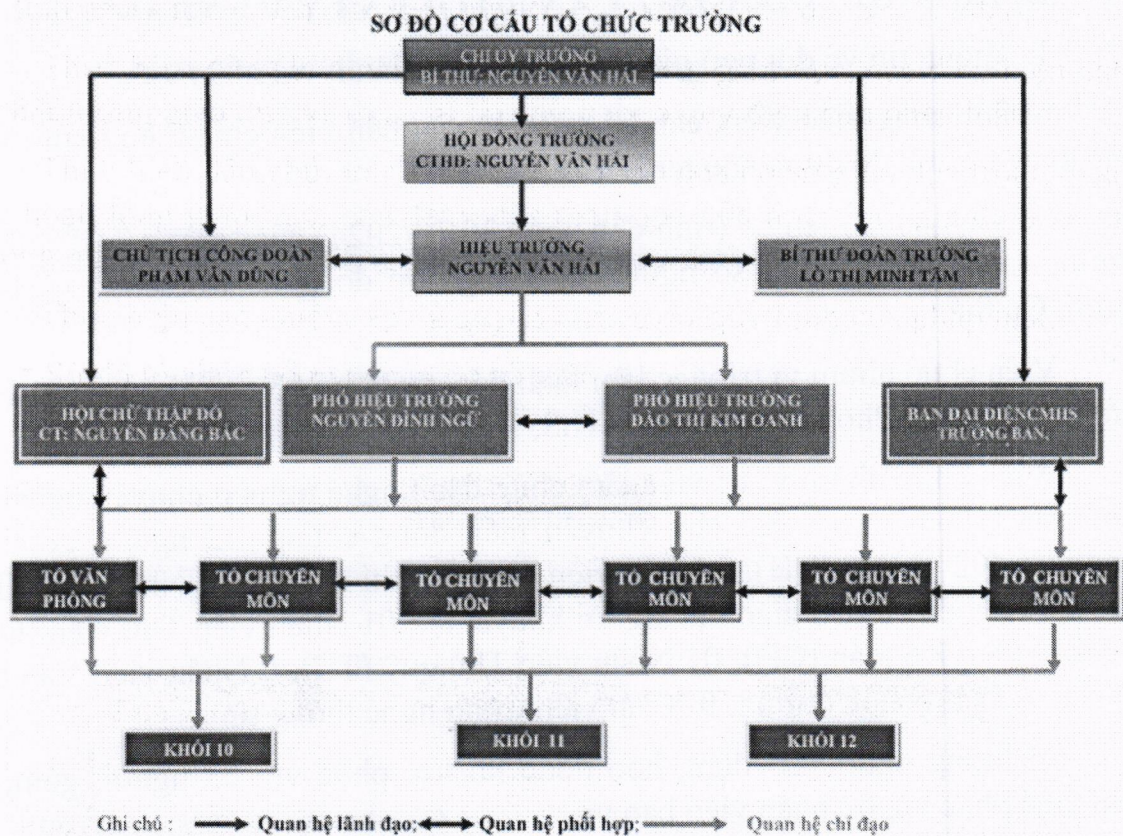
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch số 511/KH-THPTXML ngày 17/9/2021 về kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT thị xã Mường Lay giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 đã được Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Quy chế số 421/QC-THPTTXML ngày 14/9/2024 về Quy chế thực hiện dân chủ trong trường THPT thị xã Mường Lay năm học 2024 – 2025.

- Các nghị quyết của hội đồng trường: Nghị quyết số 01/NQHĐT-THPTTXML ngày 16 tháng 8 năm 2024; số 02/NQHĐT-THPTTXML ngày 15 tháng 01 năm 2024; số 03/NQHĐT-THPTTXML ngày 31/5/2024.

- Quyết định số 269/QĐ-THPTTXML ngày 19/8/2024 của trường THPT thị xã Mường Lay về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm học 2024 – 2025.

- Quyết định số 379b/QĐ-THPTTXML ngày 04/9/2024 của trường THPT thị xã Mường Lay về việc bổ nhiệm tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng năm học 2024 – 2025.

- Quyết định số 373/QĐ-THPTTXML ngày 04 tháng 9 năm 2024 của trường THPT thị xã Mường Lay về việc ban hành quy tắc Ứng xử văn hóa trong trường học năm học 2024 – 2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Số viên chức hiện có (tính đến ngày 30/12/2024) của trường THPT thị xã Mường Lay là 35 người; số người lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ là 03 người. Cụ thể:

Viên chức nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 03 người, gồm: 01 Hiệu trưởng (ThS), 02 Phó Hiệu trưởng (1ThS, 1ĐH).

Viên chức nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và viên chức nhóm vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 32 người, gồm: 29 Giáo viên (02 ThS, 27ĐH); 0 Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm; 0 Nhân viên Giáo vụ; 0 Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; 01 Nhân viên Thư viện (ĐH); 01 Nhân viên Kế toán (CĐ); 01 Nhân viên Thủ quỹ (TC); 0 Nhân viên Văn thư; 0 Nhân viên Y tế học đường; 0 Nhân viên Công nghệ thông tin.

Số lượng người lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ: 03 người, gồm: 01 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

32/32 (100%) GV,CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

35/35 (100%) giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường có diện tích sử dụng là 20325,4m², bình quân 34,2 m²/học sinh đảm bảo theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Hiện trạng cơ sở vật chất		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê
1	Khối phòng học						
	Chia ra: - Phòng học	phòng	17	17,0			
	- Phòng học bộ môn:	phòng	5	5,0			
	+ Vật lý	phòng	1	1,0			
	+ Hóa học, Sinh học	phòng	1	1,0			
	+ Phòng tin học	phòng	2	2,0			
	+ Phòng Ngoại ngữ	phòng	1	1,0			
	- Phòng chuẩn bị (1)	phòng	1	1,0			
2	Khối phòng phục vụ học tập						
	- Nhà tập đa năng	phòng	1	1,0			
	- Thư viện	phòng	1	1,0			
	- Phòng hoạt động Đoàn	phòng	1	1,0			
	- Phòng truyền thống	phòng	1	1,0			
3	Khối hành chính quản trị						
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1,0			
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	2	2,0			
	- Phòng kế toán	phòng	1	1,0			
	- Phòng thủ quỹ	phòng	1	1,0			
	- Phòng họp	phòng	1	1,0			
	- Phòng tổ chuyên môn	phòng	5	5,0			
	- Phòng Y tế	phòng	1	1,0			
	- Phòng bảo vệ	phòng	1	1,0			
	- Phòng CĐ	phòng	1	1,0			
4	- Phòng công vụ	phòng	0	0			
5	- Phòng nội trú	phòng	12	12			
6	- Nhà bếp	phòng	1	1,0			
7	Công trình khác						
	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	Nhà	6	6,0			
	- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	Nhà	14	14,0			
	- Tường rào	hạng mục	1	1			
	- Hệ thống nước sạch	hạng mục	1	1,0			
	- Sân chơi	hạng mục	2	2,0			
	- Ga ra xe	hạng mục	01	01			

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối

phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu đảm bảo theo quy định.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Lớp 10: 01 bộ; lớp 11: 01 bộ; lớp 12: 01 bộ; đảm bảo theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 và môn Lịch sử lớp 10 (bổ sung) sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên từ năm học 2024 – 2025.

- Trong năm học thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của viên chức, người lao động và học sinh, số lượng 7695 sách. Việc bổ sung trong năm học được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn, giáo viên. Nhà trường có 01 nhân viên thư viện, có đầy đủ Kế hoạch hoạt động; Trong năm học nhà trường bổ sung sách, báo và tài liệu phục vụ nhu cầu của giáo viên và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, rà soát đối chiếu kết quả đạt được với tiêu chí kiểm định đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được đồng thời nhà trường phấn đấu để đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 3.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công nhận và cấp Bằng công nhận cho các trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia (Mức độ được công nhận: Mức độ 1).

Quyết định số 2663/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho các trường mầm non, trường phổ thông năm học 2021-2022 (Cấp độ được công nhận: Cấp độ 2).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Nội dung	Tổng số	Năm học 2023 - 2024		
		Khối 10	Khối 11	Khối 12
Kết quả tuyển sinh	255	255		
Tổng số học sinh	627	241	213	173
Số lớp	15	6	5	4
Số học sinh bình quân/lớp	41.6	40.2	42.6	43.3
Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	627	241	213	173
Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	346/281	139/102	114/99	93/80
Học sinh là người dân tộc thiểu số	513	197	173	143
Học sinh khuyết tật	4	0	1	3
Số lượng học sinh chuyên trường	2	2	0	0
Tiếp nhận học sinh học tại trường	1	0	1	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	627	241	213 (1 hs không đánh giá xếp loại)	173 (3 hs không đánh giá xếp loại)
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	504 80.90%	178 73.86%	164 77.36%	162 95.29%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	95 15.25%	51 21.16%	37 17.45%	7 4.12%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	13 2.09%	7 2.90%	6 2.83%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	11 1.77%	5 2.07%	5 2.36%	1 0.59%
II	Số học sinh chia theo học lực	627	241	213 (1 hs không đánh giá xếp loại)	173 (3 hs không đánh giá xếp loại)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	88 14.13%	21 8.71%	43 20.28%	24 14.12%
2	Khá	278	103	79	96

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	(tỷ lệ so với tổng số)	44.62%	42.74%	37.26%	56.47%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	227 36.44%	103 42.74%	74 34.91%	50 29.41%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	30 4.82%	14 5.81%	16 7.55%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0% 0%	0% 0%	0% 0%	0% 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	627	241	213 (1 hs không đánh giá xếp loại)	173 (3 hs không đánh giá xếp loại)
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	418 92.1%	224 92.9%	194 91.1%	173 100%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	27 4.3%	13 5.4%	14 6.6%	0%
	Lưu ban thẳng	3 0.47%	1 0.41%	2 0.93%	0%
3	Lưu ban (sau thi lại) (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.31%	1 0.41%	1 0.46%	0%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 627.

Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm 2024: 170/170 (100%).

Số lượng học sinh trúng tuyển đại học: 120/170 (70.6%)

2. Năm học 2024 - 2025

* Kết quả tuyển sinh và số học sinh năm học 2024 - 2025

- Kết quả tuyển sinh: Số lượng học sinh/chỉ tiêu được giao: 225/225 = 100%, đạt chỉ tiêu giao và giảm so với cùng kỳ năm học trước là 30 học sinh do thi tuyển chỉ được giao là 225 học sinh).

- Quy mô trường lớp (Học kỳ I năm học 2024-2025):

Tổng số lớp hiện có: 15 lớp với 628 học sinh trong đó khối 10: 5 lớp: 217 học sinh; khối 11: 5 lớp: 222 học sinh; khối 12: 5 lớp: 189 học sinh (toàn trường so với cùng kỳ năm học 2023 – 2024 số lớp không tăng, số học sinh giảm 15 học sinh.

- Chất lượng Học kỳ I (2024-2025):

- Kết quả, chất lượng giáo dục học kỳ I: + Kết quả học tập: 627/628 học sinh (01 HS khuyết tật học hòa nhập không tính vào xếp loại), trong đó: Tốt: $107/627 = 17.07\%$; Khá: $243/627 = 38.76\%$; Đạt: $228/627 = 36.36\%$; Chưa đạt: $49/627 = 7.81\%$.

- Kết quả rèn luyện: 627/628 học sinh (01 HS khuyết tật học hòa nhập không tính vào xếp loại), trong đó: Tốt: $502/627 = 80.06\%$; Khá: $86/627 = 13.72\%$; Đạt: $26/627 = 4.15\%$; Chưa đạt: $13/627 = 2.07\%$.

+ Học sinh giỏi: Năm học 2024-2025 đạt 70 giải cấp tỉnh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Nguồn ngân sách:

+ Nguồn ngân sách nhà nước giao trong năm 2024: 10.242.050.000 đồng

+ Nguồn ngân sách thực nhận trong năm 2024: 9.955.356.021 đồng

+ Kinh phí giảm trong năm: 312.096.670 đồng

+ Kinh phí dư chuyển sang năm: 28.782.009 đồng

- Nguồn học phí:

+ Thu học phí 127.958.500 đồng

+ Chi học phí: 127.958.500 đồng

- Nguồn thu học thêm

+ Thu học thêm: 583.549.500 đồng

+ Chi học thêm: 583.549.500 đồng

- Nguồn vệ sinh

+ Thu vệ sinh: 20.520.000 đồng

+ Chi vệ sinh: 20.520.000 đồng

- Nguồn nước uống:

+ Thu nước uống: 20.520.000 đồng

+ Chi nước uống: 20.520.000 đồng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Chi ngân sách năm 2024

+ Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 7.035.894.518 đồng

+ Chi CSVC, dịch vụ: 89.393.520 đồng

+ Chi khác: 356.584.653 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Số cấp bù học phí học kỳ I năm học 2024-2025: 15.476.000 đồng

- Học bổng theo thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC học kỳ I năm học 2024-2025: 14.976.000 đồng

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: Không.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm khác của trường và của ngành:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục
- Huy động dân số trong độ tuổi đến trường, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.
- Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.
- Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.
- Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.
- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường học.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học.
- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục
- Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua do ngành phát động.

Trên đây là nội dung báo cáo thường niên về việc công khai trong trường học tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2024 của trường THPT thị xã Mường Lay./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Thanh tra);
- Đăng Website;
- BCH: Công đoàn, Đoàn thanh niên;
- CB, GV, NV, NLĐ;
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG



THS. Nguyễn Văn Hải